

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HSPT

Ngày 23 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Hà

Ông Vũ Duy Luân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thuý Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 83/2024/HSPT ngày 21 tháng 6 năm 2024 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2024/HS - ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Thị N**, sinh ngày 06/01/1976 tại tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: tổ dân phố N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T, không có chồng, có 03 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số 36/2024/HSPT ngày 03/5/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2024/HS – ST ngày 05/02/2024 của Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt Nguyễn Thị N 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Bị bắt tạm giam từ ngày 28/12/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt.

Bị cáo không kháng cáo không triệu tập: Nguyễn Văn M, sinh năm 1937, trú tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Bị hại không kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1937. Nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1979 (vắng mặt)

+ Ông Bùi Văn L, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Đều cư trú: thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1973 (có mặt)

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Đều cư trú: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

+ Bà Đặng Thị H1, sinh năm 1966 (vắng mặt)

+ Anh Lương Minh T3, sinh năm 1980 (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Đều cư trú: tổ dân phố N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Lưu Văn T4, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1960, bà Nguyễn Thị T chung sống với ông Lê Tự B (liệt sỹ, hy sinh năm 1966) và có 02 người con chung là anh Lê Tự V và anh Lê Tự T5 trú cùng tổ dân phố. Năm 1973, bà T chung sống như vợ chồng với Nguyễn Văn M, và có với nhau 03 người con gồm: anh Nguyễn Văn T2; Nguyễn Thị N và chị Nguyễn Thị T1. Đến năm 1985, Nguyễn Văn M đưa Nguyễn Thị N về thôn H, xã H, huyện H sinh sống với bà Nguyễn Thị M1 như vợ chồng và có với nhau 01 người con trai. Từ năm 1985, bà T sống một mình nuôi anh Nguyễn Văn T2 và chị Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn M không hề thăm nom, chăm sóc gì đối với bà T và anh T2, chị T1. Sau đó bà T mua thửa đất số 5709, tờ bản đồ số 10, diện tích 102m² ở tổ dân phố N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình (sau này tách thành 02 thửa: thửa số 133 tờ bản đồ số 22, diện tích 64,7m² mang tên chủ sử dụng là Lê Tự T5, Nguyễn Thị N và thửa số 134 tờ bản đồ số 22, diện tích 51,3m² do bà T sử dụng). Năm 1999, bà T cùng chị T1 mua nguyên vật liệu và thuê ông Bùi Văn L ở thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình xây 01 ngôi nhà cấp 4 tại thửa đất số 134 để làm chỗ ở cho 2 mẹ con. Năm 2019, do nhà cũ và hư hỏng nên bà T cùng chị T1, anh Nguyễn Văn T2 và chị Nguyễn Thị H2 (vợ anh Lê Tự V) đã sửa chữa lại ngôi nhà để một mình bà T ở (do lúc này chị T1 đã đi lấy chồng). Đến ngày 09/12/2022, khi bà T không có nhà, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị N đã tự ý phá khóa cửa, chuyển đồ đạc vào ở trong nhà bà T. Khi bà T về nhà, không đồng ý nên đã đuổi M và N ra khỏi nhà nhưng M và N không đi. Do tuổi già, sức yếu, lại ở một mình nên trong quá trình sinh sống ở nhà từ ngày 09/12/2022, bà T chỉ biết thường xuyên chửi bới, đuổi M và N đi ra khỏi nhà nhưng không được. Chiều tối ngày 24/01/2023, khi bà T ra ngoài cửa ngôi, M và N đã đóng,

khóa cửa, công lại không cho bà T vào nhà. Bà T đứng ngoài cửa chửi, đòi lại nhà nhưng M và N không mở cửa. Sau đó, bà T được chị T1 đón về nhà của chị tại thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình sinh sống. Nhiều ngày sau đó, bà T về nhà nhưng đều không vào được do công, cửa đều bị khóa, bà T đã báo cáo chính quyền địa phương về việc này. Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 22/9/2023, bà T tiếp tục mang theo đồ đạc (quần áo, đồ dùng cá nhân) cùng chị T1; anh Nguyễn Văn T2 và chị Nguyễn Thị H (là vợ anh Nguyễn Văn T2) về nhà bà T, mục đích đòi lại nhà. Khi bà T về đến cửa nhà, thấy cửa sắt phía trong và cửa gỗ phía ngoài đều mở; Mã, N và cháu Nguyễn Thị Ngọc Á, con gái N, đang ở bên trong nhà. Nhìn thấy bà T, N đi đến khóa cửa sắt lại, không cho bà T vào nhà. Bà T đi đến giật cánh cổng nhưng không được nên đã ngồi trước cửa nhà chửi, yêu cầu N và Mã mở cửa, đuổi N và M trả lại nhà cho bà. Thấy vậy, anh Nguyễn Văn T2 và chị Nguyễn Thị T1 cũng yêu cầu N và Mã mở cửa cho bà T vào nhà nhưng không được. Thấy bà T đang ngồi trước cửa nhà chửi, đuổi, đòi lại nhà, N đứng ở bên trong nhà, dùng vòi bơm nước phun nước qua cửa sắt ra ngoài làm ướt người bà T. Anh Nguyễn Văn T2 đi đến gần cửa sắt để mở cửa thì N cầm 01 đoạn gậy gỗ giơ lên đe dọa “Đứa nào mở cửa vào đây tao xiên chết” làm anh T2 phải quay trở lại đi ra đường đứng. Do bà T bị ướt và thấy M, N không mở cửa nên khoảng hơn 11 giờ cùng ngày, chị T1 đã chở bà T về nhà chị.

Đến khoảng 09 giờ ngày 25/10/2023, bà T tiếp tục cùng chị T1, anh Nguyễn Văn T2 và chị H về đòi nhà. Lúc này, cửa nhà đóng, bên trong nhà có Mã và cháu Á, bà T không mở cửa vào nhà được nên đã yêu cầu M mở cửa nhưng Mã không mở nên cả hai đã xảy ra cãi, chửi nhau. Khi bà T và M đang chửi nhau thì N đi xe đạp đến, bà T yêu cầu N mở cửa để bà T vào nhà nhưng N không mở mà đạp xe rời đi. Bà T quay lại, dùng tay giật mở cửa sắt thì bị M đứng bên trong cầm dao đe dọa, lấy cát ném vào người bà T. Đến khoảng hơn 11 giờ cùng ngày bà T được chị T1 chở về nhà chị T1. Ngày 28/10/2023, bà T đã làm đơn gửi chính quyền địa phương, Công an thị trấn H và Công an huyện H tố giác hành vi phạm tội của M và N, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 25/CT-VKSHH ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn Mã về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” theo điểm đ khoản 2 Điều 158 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án số 44/2024/HS – ST ngày 16/5/2024 Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn M phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác”.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 158; điểm i khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 05/02/2024 của Toà án nhân dân

huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và Bản án hình sự phúc thẩm số 36/2024/HS-PT ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 28/12/2023.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 158; điểm i khoản 1 Điều 52, các điểm s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (năm) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn M cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 bị cáo Nguyễn Thị N kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị N thay đổi nội dung kháng cáo, cho rằng bị cáo không phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 44/2024/HS - ST ngày 16/5/2024 Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N làm trong thời hạn luật định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 22/9/2023 đến ngày 28/12/2023, tại nhà ở của bà Nguyễn Thị T ở tổ dân phố N, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Thị N cùng với Nguyễn Văn M có hành vi chiếm giữ chỗ ở của bà T, đuổi bà T ra khỏi chỗ ở hợp pháp của bà T, cản trở bà T vào chỗ ở hợp pháp, xâm phạm quyền của chủ tài sản. Bị cáo là con đẻ của bị hại, đáng ra phải có trách nhiệm chăm sóc bị hại nhưng lại chiếm chỗ ở và đuổi mẹ ra khỏi nơi ở hợp pháp của bị hại, hành vi của bị cáo đi ngược với đạo đức xã hội, phá vỡ chuẩn mực xã hội mà mọi người tôn trọng và tuân thủ, xâm phạm khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ là quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn tại địa phương.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” theo điểm đ khoản 2 Điều 158 Bộ luật Hình sự như Toà án cấp sơ thẩm xét xử là đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội thấy: Bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi và tính chất, mức độ, hậu quả hành vi do bản thân gây ra, biết nhà ở là của mẹ đẻ (bà T) nhưng vẫn chiếm giữ nhà của mẹ đẻ và đuổi bà T là người đã trên 70 tuổi ra chỗ ở hợp pháp của bà nên Toà án nhân dân huyện Hưng Hà áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 158; điểm i khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” là đúng pháp luật, không oan. Xét kháng xin giảm hình phạt của bị cáo thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, mặc dù được xác định là chưa có tiền án, tiền sự nhưng ngày 05/02/2024 bị cáo đã bị Toà án nhân dân huyện Hưng Hà xử phạt 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật không cao, bị cáo phạm tội với người già, lại chính là mẹ đẻ của bị cáo cho thấy bị cáo là người khó cải tạo, giáo dục. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác, không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Do vậy, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 44/2024/HS - ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 44/2024/HSST ngày 16-5-2024 của Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 158; điểm i khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 36/2024/HS-PT ngày 03/5/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 28/12/2023.

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 23 tháng 7 năm 2024.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND huyện Hưng Hà
- Công an huyện Hưng Hà;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền